

Phụ lục 01: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 NĂM 2025

TT	Đơn vị	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích										Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)					
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)		
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường;	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ				
																											(ha)	(ha)
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng		
	TỔNG SỐ	-	-	-	0,19	-	28,94	0,92	18,61	-	0,04	9,20	0,77	-	-	-	-	-	12,21	2,78	8,29	0,05	8,00	0,54	-	987,60	197,52	
1	Thôn Bàn Thạch 5	-	-	-	-	-	0,40	-	0,45	-	-	3,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99,75	19,95	
1	Lê Thiêm tạo								0,20																		3,00	0,60
2	Hoàng Thị Sen								0,10																		1,50	0,30
3	Lê Hữu Hùng						0,10																				0,60	0,12
4	Lê Thiêm Chiến						0,10																				0,60	0,12
5	lê Thiêm Huy						0,10																				0,60	0,12
6	Lê Văn Lâm								0,05																		0,75	0,15
7	Lê Thị Nghị								0,10																		1,50	0,30
8	Lê Đăng Tài						0,10																				0,60	0,12
9	Lê Xuân Hiệp											0,50															15,00	3,00
10	Nguyễn Thị Phường											0,30															9,00	1,80
11	Lê Đăng liên											0,20															6,00	1,20
12	Lê Đình Bình											0,60															18,00	3,60
13	Lê Xuân Hiệp											0,80															24,00	4,80
14	Lê Công Bính											0,05															1,50	0,30
15	Lê Xuân Lĩnh											0,07															2,10	0,42
16	Lê Văn Nghị											0,04															1,05	0,21
17	Phan Văn Định											0,05															1,50	0,30
18	Nguyễn Hữu Long											0,08															2,40	0,48
19	Lê Văn màu											0,04															1,20	0,24

17	Hồng Sơn	-	-	-	-	-	3,42	0,70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27,50	5,50
1	Thành Mau						0,28																		1,70	0,34
2	Hoè Sang						0,02																		0,10	0,02
3	Phú Tâm						0,08																		0,48	0,10
4	Caân Quyên						0,06																		0,36	0,07
5	Ông Hoàn						0,04																		0,21	0,04
6	Sân Uyên						0,04																		0,21	0,04
7	Sơn Vè						0,08																		0,48	0,10
8	Sinh Huệ						0,10																		0,60	0,12
9	Kiên Tĩnh						0,10																		0,60	0,12
10	Chung Thuyết						0,10																		0,60	0,12
11	Tạo Bắc						0,10																		0,60	0,12
12	Tuần Liên						0,12																		0,72	0,14
13	Giám Hường						0,06																		0,36	0,07
14	Chung Nhuận						0,04																		0,21	0,04
15	Lâm Hiệp						0,12																		0,72	0,14
16	Tâm Phú						0,08																		0,48	0,10
17	Mễ Dục						0,14																		0,84	0,17
18	Dũng Dung						0,23																		1,38	0,28
19	Long Quý						0,06																		0,36	0,07
20	Tâm Hùng						0,04																		0,21	0,04
21	Nhung Luận						0,04																		0,24	0,05
22	Tý Hạ						0,06																		0,36	0,07
23	Đào Nhỏ						0,08																		0,48	0,10
24	Thọ Mai						0,06																		0,36	0,07
25	Sỹ Loan						0,04																		0,24	0,05
26	Sinh Tuất						0,04																		0,21	0,04
27	Hải Tư						0,06																		0,36	0,07
28	Tuần Phương						0,08																		0,48	0,10
29	Dũng Khánh						0,10																		0,60	0,12
30	Tài Tĩnh						0,12																		0,72	0,14
31	Chung Mai						0,15																		0,90	0,18
32	Sơn Phúc						0,08																		0,48	0,10
33	Cúc Dũng						0,03																		0,18	0,04
34	Vân Nguyệt						0,15																		0,90	0,18

24	Hoàng Kim	-	-	-	0,19	-	-	-	5,85	-	0,04	4,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,24	-	214,35	42,87	
1	Lê Đình Điều								0,04																0,03	1,05	0,21
2	Lê Thị Bình								0,03																	0,38	0,08
3	Lê Văn Dũng								0,25																	3,75	0,75
4	Nguyễn Thị Thoa								0,05																	0,75	0,15
5	Lê Văn Long								0,03																	0,38	0,08
6	Lê Bá Tinh																							0,05		0,75	0,15
7	Lê Văn Thành																						0,05			0,75	0,15
8	Lê Hữu Cảnh								0,02		0,02															0,53	0,11
9	Lê Văn Mậu										0,02															0,40	0,08
10	Nguyễn Văn Bảy								0,02															0,06		1,13	0,23
11	Lê Thị Thành								0,05															0,05		1,50	0,30
12	Nguyễn Thị Bình								0,04																	0,60	0,12
13	Lê Văn Đông								0,01																	0,15	0,03
14	Lê Việt Phương								0,15																	2,25	0,45
15	Lê Thị Xe								0,05																	0,68	0,14
16	Nguyễn Văn Tuấn								0,05			0,04														1,95	0,39
17	Lê Thị Nghiên								0,10																	1,50	0,30
18	Lê Thị Dâu								0,04																	0,53	0,11
19	Lê Thị Dung								0,03																	0,38	0,08
20	Lê Văn Ngân								0,10																	1,50	0,30
21	Lê Tuấn Quế								0,10																	1,50	0,30
22	Phong Thị Mai								0,06																	0,90	0,18
23	Lê Bá Sơn								0,05																	0,75	0,15
24	Lê Thị Đậu								0,05																	0,75	0,15
25	Lê Bá Bao											0,02														0,60	0,12
26	Đào Văn Ngọc								0,05			0,05														2,25	0,45
27	Hà Thị Lâm								0,03																	0,45	0,09
28	Lê Thị Thuận								0,01			0,05														1,65	0,33
29	Lê Bá Thắng								0,05																	0,75	0,15
30	Nguyễn Thị Nhung								0,03																	0,45	0,09
31	Lê Bá Bảy								0,03																	0,45	0,09
32	Lê Thị Bốn								0,03																	0,38	0,08
33	Lê Đình Hương								0,35																	5,25	1,05
34	Lê Thị Đình								0,03																	0,38	0,08































































































